

Số: /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) ngày 14 tháng 01 năm 2020 cho Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) (có địa chỉ tại số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) xả nước thải sau xử lý từ Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 tại phường Thới Hòa và phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Thị Tính.

2. Vị trí xả nước thải: phường Thới Hòa và phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, gồm 04 cửa xả có vị trí, tọa độ cụ thể như sau:

Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ):

- Cửa xả số 3.1 xả nước thải sau xử lý từ Trạm 3.1:

$$X = 12.28.849; Y = 06.76.833$$

- Cửa xả số 3.2 xả nước thải sau xử lý từ Trạm 3.2:

$$X = 12.28.540; Y = 06.75.847$$

- Cửa xả số 3.3 xả nước thải sau xử lý từ Trạm 3.3:

$$X = 12.26.042; Y = 06.76.492$$

- Cửa xả số 3.4 xả nước thải sau xử lý từ Trạm 3.4:

$$X = 12.28.570; Y = 06.76.750$$

### 3. Phương thức xả nước thải:

3.1. Nước thải sau xử lý từ Trạm 3.1 xả vào kênh B2 thoát vào kênh hở C1 đi qua cống Quốc lộ 13 sau đó xả vào rạch Bến Trắc và cuối cùng chảy ra sông Thị Tính theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

3.2. Nước thải sau xử lý từ Trạm 3.2 xả vào kênh hở C1 đi qua cống Quốc lộ 13 sau đó xả vào rạch Bến Trắc và cuối cùng chảy ra sông Thị Tính theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

3.3. Nước thải sau xử lý từ Trạm 3.3 xả vào kênh K6 thoát vào kênh hở K5 đi qua cống Quốc lộ 13, sau đó xả vào rạch Cây Bàng cuối cùng chảy ra sông Thị Tính theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

3.4. Nước thải sau xử lý từ Trạm 3.4 xả vào kênh hở K5 đi qua cống Quốc lộ 13 sau đó xả vào rạch Cây Bàng cuối cùng chảy ra Thị Tính theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 16.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó:

5.1. Lưu lượng xả thải lớn nhất từ cửa xả số 3.1: 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

5.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất từ cửa xả số 3.2: 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

5.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất từ cửa xả số 3.3: 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

5.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất từ cửa xả số 3.4: 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$  và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, hệ số  $K = 1$ . Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị giới hạn</b>
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	40
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD <sub>5</sub> ở 20 <sup>0</sup> C	mg/l	24,3
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
5	Độ màu (pH=7)	Pt-Co	50
6	COD	mg/l	60,75
7	Tổng xyanua	mg/l	0,057
8	Clo dư	mg/l	0,81
9	Crom (VI)	mg/l	0,04
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
11	Asen	mg/l	0,04
12	Thủy ngân	mg/l	0,004
13	Chì	mg/l	0,081
14	Cadimi	mg/l	0,04
15	Crom (III)	mg/l	0,162
16	Đồng	mg/l	1,62
17	Kẽm	mg/l	2,43
18	Niken	mg/l	0,162
19	Mangan	mg/l	0,405
20	Sắt	mg/l	0,81
21	Tổng phenol	mg/l	0,081
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
23	Sunfua	mg/l	0,162

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị giới hạn</b>
24	Florua	mg/l	4,05
25	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
26	Tổng nitơ	mg/l	16,2
27	Tổng phốt pho	mg/l	3,24
28	Clorua	mg/l	405
29	Tổng PCB	mg/l	0,002
30	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

**Điều 2.** Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải như sau:

a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý của các Trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 tại 04 vị trí trên 04 mương dẫn nước thải sau xử lý (phía sau bể khử trùng) của Trạm 3.1; Trạm 3.2; Trạm 3.3 và Trạm 3.4 với các thông số quan trắc: lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni; lưu lượng nước thải đầu vào của các Trạm 3.1; Trạm 3.2; Trạm 3.3 và Trạm 3.4. Riêng thông số Amoni: hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và thực hiện quan trắc tự động, liên tục trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo tần suất ba (03) tháng/lần tại 04 vị trí quy định tại Điểm a Khoản này với các thông số quy định tại Bảng 1 Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này, trừ các thông số đã quan trắc tự động.

4. Đảm bảo có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra nguồn nước trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 19 Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố, bất thường của hệ thống xử lý nước thải.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định về báo cáo.

8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, thông số, tần suất quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

**Điều 3.** Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Môi trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép (TNN-NT-051.19) (02), TNN (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**